

**TỪ CẤU TRÚC LẬP LUẬN ĐẾN CƠ CHẾ XÃ HỘI:
ĐỌC TƯ BẢN CỦA KARL MARX**

LÊ QUÝ DƯƠNG*

NGÔ TRUNG THÀNH**

NGUYỄN ĐỨC CHIẾN***

Tóm tắt: Bài viết đề xuất một cách đọc Tư bản của Karl Marx như một công trình phân tích cấu trúc xã hội của chủ nghĩa tư bản. Thông qua tái dựng chuỗi lập luận từ hàng hóa đến giá trị thặng dư, nghiên cứu làm rõ cách Marx sử dụng phép loại trừ, trừu tượng hóa và tổ chức các vấn đề lý luận để xây dựng tính nhất quán của lý thuyết. Kết quả cho thấy các phạm trù như giá trị, lao động trừu tượng hay giá trị thặng dư không chỉ là khái niệm kinh tế, mà là những hình thái xã hội tổ chức các quan hệ phụ thuộc và tái sản xuất xã hội. Trên cơ sở tổng quan hệ thống văn liệu và đối chiếu với các cách đọc kinh điển, bài viết xác định khoảng trống khi cấu trúc lập luận chưa được xem như một cơ chế kiến tạo đối tượng xã hội. Từ đó, nghiên cứu đề xuất đọc Tư bản như một thực hành tri thức xã hội học, góp phần mở rộng đối thoại giữa kinh tế chính trị Marxist và xã hội học đương đại.

Từ khóa: tư bản, cấu trúc lập luận, phương pháp luận, xã hội học.

Nhận bài: 09/3/2026

Gửi phản biện: 12/3/2026

Duyệt đăng: 28/4/2026

1. Giới thiệu

Tác phẩm *Tư bản* (*Das Kapital*) của Karl Marx thường được tiếp cận như một công trình kinh tế chính trị hoặc như một phê phán lịch sử đối với chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng cách hiểu này chưa bao quát hết các chiều cạnh lý thuyết của tác phẩm (xem thêm Louis Althusser & Étienne Balibar, 1970; Roman Rosdolsky, 1968). Ngay từ đầu, Marx không nhằm mô tả các hiện tượng kinh tế bề mặt, mà theo đuổi một phương pháp biện chứng “đi từ trừu tượng đến cụ thể” (Marx, 1867/1990; xem thêm Evald Ilyenkov, 1977), qua đó tái cấu trúc đối tượng nghiên cứu trong tư duy. Từ góc nhìn

* Viện Nghiên cứu Truyền thống và Phát triển.

** Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

*** Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

này, *Tư bản* không chỉ là một lý thuyết kinh tế, mà có thể được hiểu như một nỗ lực xây dựng một mô hình về cấu trúc xã hội tư bản chủ nghĩa.

Trong khoa học xã hội, nhiều cách tiếp cận xã hội học không chỉ dừng lại ở việc mô tả các hiện tượng xã hội, mà còn hướng tới việc làm rõ các nguyên tắc hoặc cơ chế mà thông qua đó xã hội được tổ chức và duy trì như một chỉnh thể. Những cách tiếp cận này tập trung lý giải cách các cá nhân được liên kết với nhau trong các quan hệ xã hội. Đặt trong bối cảnh này, *Tư bản* có thể được đọc như một công trình góp phần làm rõ vấn đề về nguyên tắc liên kết xã hội trong các xã hội hiện đại. Thông qua các phạm trù như hàng hóa, giá trị và tư bản, Marx không chỉ mô tả các quan hệ kinh tế, mà còn cho thấy cách phụ thuộc lẫn nhau giữa các cá nhân được trung gian hóa thông qua trao đổi. Theo nghĩa này, “tư bản” có thể được hiểu như một hình thức liên kết xã hội đặc thù. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý không chỉ nằm ở sự tồn tại của liên kết đó, mà ở tính mâu thuẫn của nó: các quan hệ tạo ra sự gắn kết xã hội đồng thời cũng là nguồn gốc của các đối kháng cấu trúc, đặc biệt giữa tư bản và lao động. Do đó, xã hội tư bản có thể được nhìn nhận không đơn thuần như một hệ thống ổn định dựa trên sự phụ thuộc chức năng, mà như một cấu trúc trong đó liên kết và mâu thuẫn cùng được tái sản xuất thông qua các cơ chế kinh tế. Mặc dù đã có nhiều cách đọc quan trọng về *Tư bản* - từ các tiếp cận cấu trúc luận (Althusser & Balibar, 1970), diễn giải xã hội học cổ điển (Aron, 1967/2018), đến các mở rộng đương đại về khái niệm vốn (Bourdieu, 1986) - các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc làm rõ nội dung lý thuyết, cấu trúc khái niệm, hoặc khả năng mở rộng của các phạm trù Marxist. Trong khi đó, một số cách tiếp cận xem xét vai trò của các phạm trù này như những cơ chế tổ chức liên kết xã hội trong chính cấu trúc lập luận của *Tư bản* vẫn còn tương đối phân tán và chưa được hệ thống hóa rõ ràng.

Xuất phát từ điểm này, bài viết không nhằm khẳng định lại hay thay thế các cách đọc hiện có, mà tập trung làm rõ một khía cạnh cụ thể hơn: cách thức mà Marx, thông qua cấu trúc lập luận của mình, đã góp phần định hình một cách hiểu về cấu trúc xã hội tư bản chủ nghĩa. Bằng cách tái dựng chuỗi lập luận từ hàng hóa đến giá trị thặng dư, bài viết gợi ý rằng *Tư bản* có thể được tiếp cận như một công trình có ý nghĩa xã hội học, trong đó “tư bản” xuất hiện như một nguyên tắc liên kết xã hội mang tính mâu thuẫn - vừa tổ chức sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các cá nhân, vừa đồng thời làm phát sinh các đối kháng nội tại của chính cấu trúc đó.

2. Tổng quan tài liệu

Để luận giải một cách hệ thống đóng góp của nghiên cứu này, chúng tôi kết hợp hai hướng tiếp cận trong tổng quan tài liệu. Thứ nhất, phương pháp tổng quan hệ thống (systematic literature review) được sử dụng nhằm xác định các khuynh hướng nghiên cứu chủ đạo và những khoảng trống còn tồn tại trong các bài báo khoa học quốc tế về *Tư bản* của Karl Marx trên cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS) - một nguồn trích dẫn uy tín và được sử dụng rộng rãi trong khoa học xã hội và nhân văn. Thứ hai, nghiên cứu đồng thời tham chiếu các chuyên khảo kinh điển trong triết học và xã hội học Marxist, qua đó đặt các kết quả từ tổng quan hệ thống vào trong bối cảnh rộng hơn của truyền thống học thuật. Cách tiếp cận kết hợp này cho phép không chỉ nhận diện các xu hướng nghiên cứu gần đây,

mà còn đối chiếu chúng với các cách đọc nền tảng, từ đó làm rõ một cách toàn diện hơn những khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới.

2.1. Chiến lược tìm kiếm tài liệu

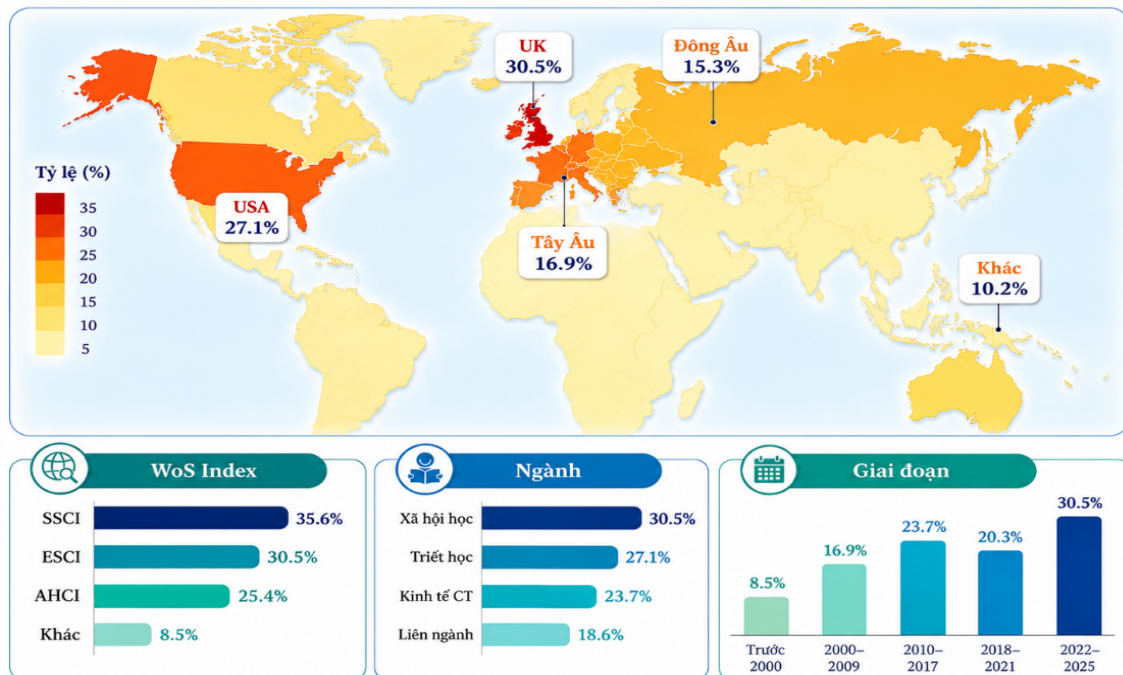
Chiến lược tìm kiếm được thiết kế theo hướng kết hợp giữa tổng quan hệ thống các bài báo khoa học và việc lựa chọn có chủ đích các tài liệu kinh điển mang tính đại diện trong truyền thống nghiên cứu về *Tư bản*. Đối với phần tổng quan hệ thống, việc tìm kiếm được thực hiện trên cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), với mục tiêu bao quát các nghiên cứu đã hình thành “dòng chính” trong phân tích *Tư bản*, đặc biệt là các công trình tập trung vào phương pháp, phép biện chứng và thao tác trừu tượng hóa trong lập luận của Marx. Cụ thể, truy vấn tìm kiếm được thực hiện trong trường Topic (TS) của Web of Science với cú pháp sau:

TS = (("Marx's Capital" OR "Das Kapital") AND (method* OR dialectic* OR abstraction OR logic*))

Truy vấn này cho phép thu thập một tập hợp văn liệu đủ rộng, phản ánh những tiếp cận phổ biến trong học thuật quốc tế, đồng thời làm rõ xu hướng chung của các nghiên cứu hiện hữu: tiếp cận *Tư bản* chủ yếu từ bên trong hệ thống lý luận của Marx, thông qua việc tái dựng phương pháp, logic biện chứng hoặc cấu trúc khái niệm. Bên cạnh đó, nghiên cứu đồng thời lựa chọn và phân tích các chuyên khảo kinh điển trong triết học và xã hội học Marxist - những công trình đã định hình các hướng đọc nền tảng đối với *Tư bản* - nhằm đặt các kết quả từ tổng quan hệ thống vào trong bối cảnh rộng hơn của truyền thống học thuật. Việc kết hợp hai nguồn tài liệu này không chỉ giúp nhận diện các khuynh hướng nghiên cứu chủ đạo, mà còn cho phép đối chiếu giữa các cách đọc kinh điển và các nghiên cứu gần đây. Trên cơ sở đó, bài viết xác định và làm rõ điểm khác biệt khi dịch chuyển trọng tâm phân tích từ việc tái kiến thiết phương pháp luận nội tại sang việc xem xét *Tư bản* như một thực hành sản xuất tri thức xã hội học, trong đó cấu trúc lập luận không chỉ đóng vai trò tổ chức lý thuyết, mà còn vận hành như một cơ chế kiến tạo các hình thức xã hội và nguyên tắc liên kết giữa các cá nhân.

2.2. Kết quả tìm kiếm ban đầu

Kết quả quét 59 tài liệu cho thấy không gian tri thức của chủ đề nghiên cứu không giới hạn trong một ngành đơn lẻ, mà phân bố trên nhiều lĩnh vực liên quan, bao gồm xã hội học (30,5%), triết học (27,1%), kinh tế chính trị (23,7%) và các hướng tiếp cận liên ngành (18,6%) (Xem Biểu đồ 1). Cấu trúc này phản ánh đặc trưng vốn có của các nghiên cứu về Marx nói chung và *Tư bản* nói riêng, vốn được triển khai trong nhiều truyền thống học thuật khác nhau thay vì bị giới hạn trong khuôn khổ xã hội học thuần túy. Về mặt thể chế học thuật, các tài liệu được công bố chủ yếu trên các tạp chí thuộc hệ thống SSCI, AHCI và ESCI, với sự tập trung đáng kể tại các trung tâm học thuật Anh - Mỹ, đồng thời duy trì sự hiện diện của các tạp chí Đông Âu - nơi có truyền thống nghiên cứu Marxist lâu dài. Điều này cho thấy corpus nghiên cứu vừa nằm trong dòng chính học thuật quốc tế, vừa gắn với các truyền thống lý thuyết đặc thù.

Biểu đồ 1. Tổng hợp đặc điểm của các tài liệu được tìm thấy trên WOS

Liên quan đến vấn đề định danh học thuật của tác giả, cần lưu ý rằng trong các nghiên cứu lý thuyết, đặc biệt là các nghiên cứu về Marx, ranh giới giữa các ngành (sociology, philosophy, political economy) thường mang tính linh hoạt. Nhiều tác giả không tự định danh là “nhà xã hội học” theo nghĩa thể chế, nhưng các công trình của họ trực tiếp tham gia vào các vấn đề trung tâm của xã hội học, như cấu trúc xã hội, quan hệ sản xuất, hình thái quyền lực và cơ chế liên kết xã hội. Do đó, nghiên cứu này không tiếp cận vấn đề theo hướng phân loại danh xưng học thuật của tác giả, mà dựa trên đối tượng và vấn đề nghiên cứu để xác định tính liên quan xã hội học của tài liệu.

Cách tiếp cận này cho phép xác lập một không gian tri thức rộng, trong đó *Tư bản* được đọc không chỉ như một văn bản kinh tế chính trị, mà như một nguồn lý thuyết về cấu trúc và quan hệ xã hội. Từ đó, việc tiếp cận *Tư bản* như một nghiên cứu xã hội học không phải là sự “mở rộng” tùy ý, mà là một cách đọc nằm trong chính truyền thống học thuật liên ngành đã tồn tại.

2.3. Xác định tiêu chí lọc

Để triển khai bảng tiêu chí lọc trên một cách nhất quán, quá trình sàng lọc tài liệu được thực hiện theo hai bước liên tiếp. Ở bước thứ nhất, các bản ghi thu được từ Web of Science được rà soát dựa trên tiêu đề, từ khóa và phân loại lĩnh vực nhằm loại bỏ những nghiên cứu không tập trung trực tiếp vào *Tư bản* của Karl Marx, hoặc chỉ sử dụng Marx như một nguồn tham chiếu chung cho các thảo luận chính trị, lịch sử hay ý thức hệ. Ở bước thứ hai, phân tóm tắt của các tài liệu còn lại được đọc và đánh giá nhằm xác định mức độ gắn kết của nghiên cứu với *Capital* như một công trình lý luận, đặc biệt là sự quan tâm đến

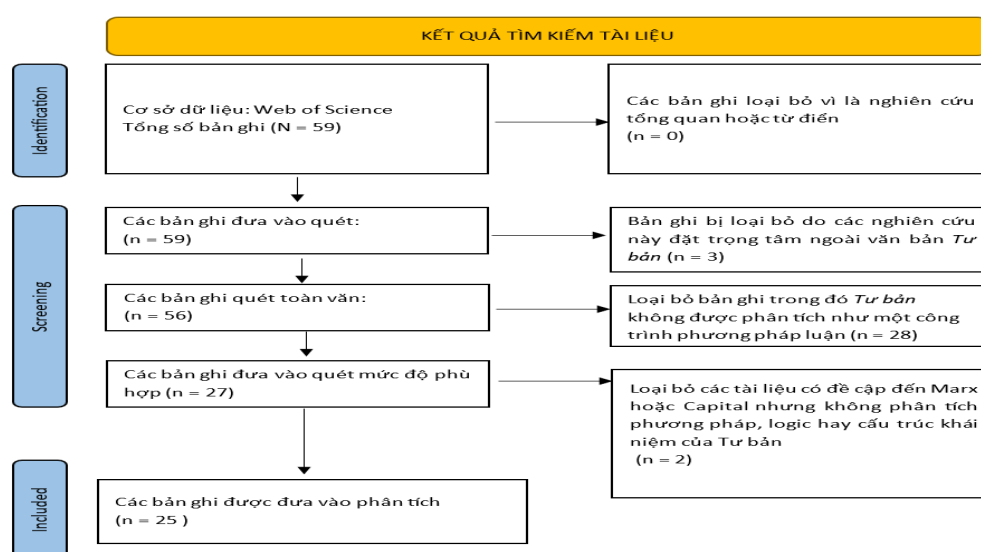
phương pháp, logic trình bày, phép trừu tượng hóa hoặc cấu trúc lập luận nội tại của tác phẩm (Xem thêm Bảng 1).

Bảng 1. Tiêu chí lọc tài liệu

Giai đoạn	Tiêu chí	Mô tả
Đưa vào	Đối tượng & trọng tâm	Nghiên cứu phân tích trực tiếp <i>Marx's Capital (Das Kapital)</i> như một công trình lý luận, tập trung vào phương pháp, phép biện chứng, logic lập luận hoặc cấu trúc khái niệm
Loại bỏ	Vai trò của <i>Capital</i>	<i>Capital</i> chỉ được sử dụng như tài liệu tham chiếu, minh họa tư tưởng hoặc bối cảnh lịch sử
	Trọng tâm phân tích	Nghiên cứu mang tính ứng dụng hoặc liên ngành, không phân tích cấu trúc lý luận nội tại của <i>Capital</i>
	Mức độ lý luận	Không thảo luận phương thức lập luận, logic trình bày hoặc cấu trúc khái niệm của <i>Capital</i>

2.4. Kết quả tìm kiếm và lọc

Bên cạnh các tranh luận nội dung, một truyền thống học thuật phong phú đã tập trung vào phương pháp và cấu trúc lập luận của *Tư bản*. Các tiếp cận Hegel - hệ thống (Rosdolsky; Sekine; Il'enkov; Reichelt) xem đây là một chỉnh thể lý thuyết chặt chẽ, trong khi các hướng phân tích và tái kiến thiết logic (Wolff) hoặc kết hợp với lịch sử - thực nghiệm (Banaji; Moseley & Polson; Fineschi) làm rõ các cấp độ trừu tượng và phương pháp của Marx. Đồng thời, các công trình xã hội học như Pierre Bourdieu hay Michel Durand cho thấy sự mở rộng các phạm trù Marxist trong phân tích cấu trúc xã hội. Song song với đó, nghiên cứu tổng quan trên cơ sở dữ liệu Web of Science xác định 59 công trình; sau sàng lọc, 25 nghiên cứu được giữ lại, trong đó *Tư bản* được tiếp cận như một công trình trung tâm về phương pháp, logic và cấu trúc khái niệm (Xem Hình 1).



Hình 1. Kết quả tìm kiếm và lọc tài liệu theo phương pháp tổng quan hệ thống

Trên cơ sở rà soát đặc điểm học thuật của nhóm tác giả (xem Bảng 2), chúng tôi đồng thời tiến hành phân loại theo một tiêu chí tổng hợp, kết hợp giữa chuyên ngành đào tạo, lĩnh vực giảng dạy và định hướng công bố khoa học. Nghiên cứu tiến hành rà soát hồ sơ học thuật của các tác giả dựa trên chuyên ngành công tác, hướng nghiên cứu chính, lĩnh vực công bố và định hướng lý thuyết. Trên cơ sở đó, các tác giả được phân loại thành ba nhóm chính: (1) xã hội học, (2) nghiên cứu lý thuyết xã hội và (3) nhóm ngành khác. Cần lưu ý rằng nhóm *xã hội học* trong nghiên cứu này bao gồm các học giả hoạt động trong các lĩnh vực như xã hội học chính trị, xã hội học về chủ nghĩa tư bản, xã hội học văn hóa và các hướng tiếp cận phân tích xã hội đối với chủ nghĩa tư bản. Trong khi đó, nhóm *nghiên cứu lý thuyết xã hội* bao gồm các tác giả hoạt động trong lý thuyết Marxist, lý thuyết phê phán, lý thuyết chính trị, triết học xã hội và các nghiên cứu về hình thái xã hội. Kết quả phân loại cho thấy nhóm *xã hội học* gồm 8 tác giả (27.6%), nhóm *nghiên cứu lý thuyết xã hội* gồm 8 tác giả (27.6%) và nhóm ngành khác gồm 13 tác giả (44.8%). Như vậy, nếu gộp hai nhóm đầu tiên, hơn một nửa số nghiên cứu (55.2%) thuộc về các tác giả có định hướng nghiên cứu gần với xã hội học và lý thuyết xã hội. Cơ cấu này cho thấy không gian tri thức của nghiên cứu có tính liên ngành rõ rệt, phản ánh đặc điểm học thuật của các nghiên cứu về Marx và tác phẩm *Tư bản*, nơi ranh giới giữa xã hội học, lý thuyết xã hội, kinh tế chính trị và triết học thường có sự giao thoa mạnh. Đồng thời, kết quả này cũng cho thấy việc tiếp cận Capital như một nghiên cứu về cấu trúc và cơ chế xã hội không phải là một cách đọc biệt lập, mà nằm trong một truyền thống học thuật đã tồn tại tương đối rõ trong không gian nghiên cứu được lựa chọn.

Bảng 2. Bảng phân nhóm tác giả theo tiêu chí liên quan đến xã hội học

Nhóm học thuật	Số lượng tác giả	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm chính
Xã hội học	8	27.6	Bao gồm các tác giả thuộc xã hội học, xã hội học chính trị, xã hội học về chủ nghĩa tư bản, xã hội học văn hóa và các hướng tiếp cận phân tích xã hội về capitalism
Nghiên cứu lý thuyết xã hội	8	27.6	Bao gồm các tác giả hoạt động trong lý thuyết Marxist, lý thuyết phê phán, lý thuyết chính trị, triết học xã hội và các nghiên cứu về hình thái xã hội
Nhóm ngành khác	13	44.8	Chủ yếu thuộc kinh tế học, kinh tế chính trị, triết học, triết học khoa học và các lĩnh vực nhân văn khác
Tổng	29	100.0	

2.5. Kết quả phân tích

Trên cơ sở quy trình tìm kiếm và sàng lọc tài liệu như đã trình bày, phần tổng quan được xây dựng trên hai nguồn tài liệu riêng biệt. Nguồn thứ nhất là các chuyên khảo kinh

điển trong triết học và xã hội học Marxist, phản ánh các cách đọc nền tảng đối với *Tư bản*. Nguồn thứ hai là 25 công trình được lựa chọn từ cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), đại diện cho các xu hướng nghiên cứu hiện đại. Từ việc đối chiếu hai nguồn này, có thể nhận diện các khuynh hướng tiếp cận chủ đạo đối với *Tư bản*, đồng thời làm rõ những khoảng trống nghiên cứu còn tồn tại.

Trước hết, một hướng nghiên cứu quan trọng tập trung vào cấu trúc lý thuyết và logic nội tại của *Tư bản*. Các công trình kinh điển như của Althusser và Balibar (1970), Rosdolsky (1968) hay Il'enkov (1977) đã đặt nền tảng cho việc đọc *Tư bản* như một hệ thống lý thuyết có cấu trúc chặt chẽ. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu sau này tiếp tục tái kiến thiết logic của tác phẩm hoặc làm rõ các cấp độ trừu tượng trong phân tích của Marx (Reichelt, 2005; Sekine, 1986; Fineschi, 2013; Moseley & Polson, 1997). Các nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của trừu tượng hóa, phép biện chứng và cấu trúc khái niệm như nền tảng khoa học của phê phán kinh tế chính trị. Tuy nhiên, trong phần lớn trường hợp, cấu trúc lý thuyết được tiếp cận như một hệ thống logic hoặc phương pháp nhận thức, hơn là như một cơ chế tham gia trực tiếp vào việc kiến tạo các quan hệ xã hội.

Thứ hai, một hướng tiếp cận khác đặt Marx trong truyền thống xã hội học cổ điển. Tiêu biểu là Aron (1967/2018), người xem Marx như một nhà lý thuyết về xã hội công nghiệp và xung đột giai cấp. Trong cách đọc này, *Tư bản* được hiểu như một lý thuyết giải thích các hiện tượng xã hội, đặc biệt là cấu trúc giai cấp và động lực của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, cách tiếp cận này chủ yếu dừng lại ở việc diễn giải nội dung xã hội học của tác phẩm, mà chưa đi sâu vào cách thức mà các phạm trù đó được kiến tạo trong chính cấu trúc lập luận của Marx.

Thứ ba, nhiều nghiên cứu đã mở rộng các phạm trù Marxist sang các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Nổi bật là các công trình của Bourdieu (1986), trong đó khái niệm “vốn” được phát triển thành các dạng vốn văn hóa, xã hội và biểu tượng nhằm phân tích các cơ chế tái sản xuất bất bình đẳng. Bên cạnh đó, các nghiên cứu xã hội học lao động, như trong truyền thống của Durand (2004), tập trung vào biểu hiện thực nghiệm của các quan hệ sản xuất trong đời sống xã hội. Những hướng tiếp cận này cho thấy sức sống của các phạm trù Marxist trong xã hội học đương đại, nhưng đồng thời cũng làm dịch chuyển trọng tâm khỏi việc phân tích cấu trúc lý thuyết ban đầu của *Tư bản*. Các nghiên cứu đương đại, đặc biệt trong các bài báo khoa học, tiếp tục củng cố các xu hướng trên khi tập trung vào phương pháp, cấu trúc lập luận và các phạm trù lý thuyết trung tâm của tác phẩm. Tuy nhiên, khi đối chiếu với các chuyên khảo kinh điển, có thể thấy một đặc điểm chung: *Tư bản* chủ yếu được tiếp cận như một hệ thống lý thuyết cần được tái kiến thiết, diễn giải hoặc mở rộng, hơn là như một công trình đang xây dựng một nguyên tắc tổ chức xã hội.

Từ đó, có thể xác định một khoảng trống nghiên cứu quan trọng. Mặc dù các nghiên cứu hiện hữu đã làm rõ nhiều khía cạnh của phương pháp, cấu trúc và nội dung lý thuyết của *Tư bản*, chúng ít khi xem các phạm trù kinh tế như những hình thái cấu trúc xã hội có vai trò định hình các quan hệ giữa các cá nhân. Nói cách khác, *Tư bản* chưa được tiếp cận như một công trình trong đó Marx xây dựng một khái niệm xã hội học nền tảng - tương tự

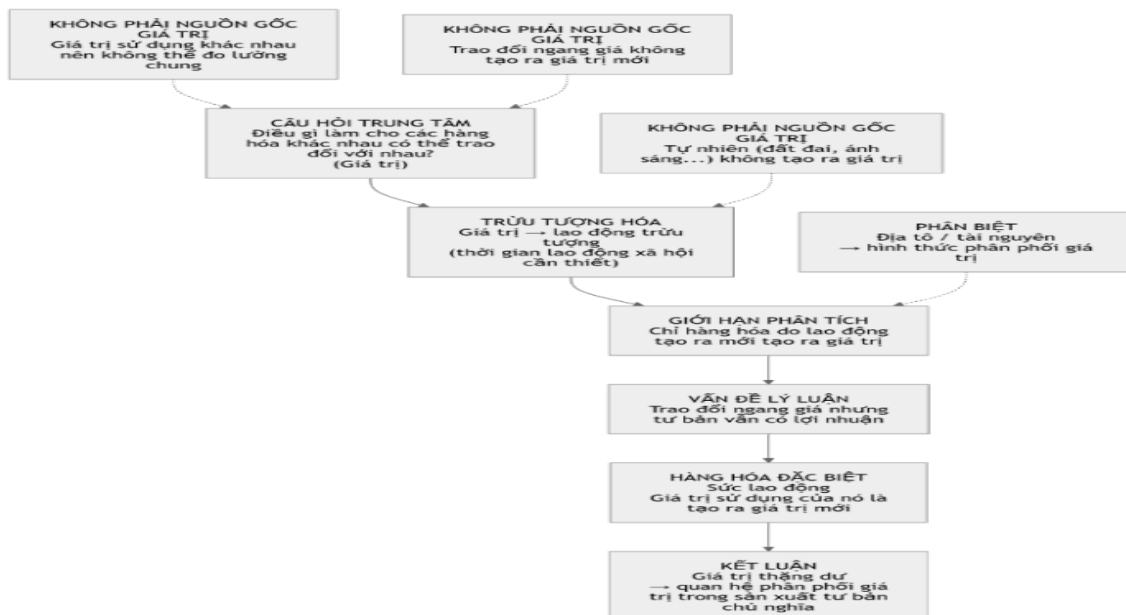
như cách xã hội học cổ điển xây dựng các khái niệm về “đoàn kết xã hội” - tức là một nguyên tắc tổ chức sự liên kết giữa các cá nhân trong xã hội hiện đại.

Tiểu kết

Từ khoảng trống trên, bài viết chuyển sang một hướng tiếp cận khác: thay vì diễn giải nội dung hay tái kiến thiết hệ thống khái niệm, nghiên cứu tập trung phân tích cách các phạm trù kinh tế được hình thành và vận hành như những nguyên tắc tổ chức xã hội trong chính cấu trúc lập luận của *Tư bản*. Nói cách khác, vấn đề không chỉ là “Marx nói gì”, mà là “Marx đã xây dựng một khái niệm về cấu trúc xã hội như thế nào” thông qua tiến trình lập luận của mình. Theo đó, Phần 3 tái dựng chuỗi lập luận từ hàng hóa đến giá trị thặng dư nhằm làm rõ cách các phạm trù được hình thành thông qua trừu tượng hóa và loại trừ. Trên cơ sở đó, Phần 4 diễn giải ý nghĩa xã hội học của các phạm trù này, đặc biệt là giá trị như một cơ chế liên kết xã hội bất đối xứng. Cuối cùng, Phần 5 mở rộng phân tích để đề xuất một cách đọc mới, trong đó cấu trúc lập luận được xem như cơ chế kiến tạo các hình thái xã hội và định hình cách tiếp cận đối với chủ nghĩa tư bản.

3. Cấu trúc lập luận của Marx: từ phân tích hàng hóa đến khái niệm giá trị thặng dư

Phần này tái dựng chuỗi lập luận của Marx về hàng hóa và giá trị qua chín bước, từ việc xác định hàng hóa như hình thái kinh tế-xã hội đặc trưng của chủ nghĩa tư bản đến các kết luận về giá trị thặng dư và bóc lột. Tuy nhiên, mục tiêu không chỉ là làm rõ nội dung trong bối cảnh lịch sử cụ thể, mà là theo dõi cách Marx, thông qua trừu tượng hóa, từng bước xác lập các phạm trù có khả năng nắm bắt các nguyên tắc tổ chức ở cấp độ khái quát của xã hội tư bản (Xem Hình 1).



Hình 2. Chuỗi lập luận của Marx: từ hàng hóa đến kết luận về bóc lột

Hình 2 minh họa cách Marx tổ chức chuỗi lập luận bắt đầu từ câu hỏi về khả năng trao đổi giữa các hàng hóa. Thông qua việc xác định giới hạn của các cách giải thích dựa trên giá trị sử dụng, tự nhiên hay trao đổi, Marx từng bước đi đến việc xác lập lao động trừu tượng như cơ sở của giá trị.

(1) Xuất phát điểm: xã hội tư bản như một tổng thể hàng hóa: Marx mở đầu *Tư bản* bằng việc xác định hàng hóa là hình thái kinh tế phổ biến của xã hội tư bản chủ nghĩa. Ông viết: "...Sự giàu có của những xã hội trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thống trị xuất hiện như một 'đồng hàng hóa' khổng lồ..." (Marx 1867/1990:43). Câu mở đầu này không chỉ mang tính mô tả mà còn xác lập điểm xuất phát phương pháp luận của tác phẩm. Thay vì bắt đầu từ các phạm trù đã phát triển như tư bản hay lợi nhuận, Marx lựa chọn hàng hóa như hình thái đơn giản nhất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Việc lựa chọn này đồng thời đặt nền tảng cho việc phân tích một hình thức xã hội trong đó các quan hệ giữa các cá nhân được trung gian hóa thông qua trao đổi.

(2) Hàng hóa và sự phân đôi giữa giá trị sử dụng và giá trị: Trong phân tích của Marx, hàng hóa luôn mang hai mặt: giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị sử dụng gắn với công dụng vật chất cụ thể của hàng hóa, trong khi giá trị biểu hiện quan hệ trao đổi của nó với các hàng hóa khác. Marx nhấn mạnh rằng hai mặt này không thể đồng nhất, bởi "...các hàng hóa phải được thực hiện với tư cách là những giá trị trước khi chúng có thể được thực hiện với tư cách là những giá trị sử dụng..." (Marx 1867/1990: 52). Sự phân biệt này cho phép Marx tách việc phân tích giá trị khỏi các cách giải thích dựa trên nhu cầu chủ quan hay công dụng vật lý, và chuyển sang tìm kiếm một cơ sở mang tính xã hội trừu tượng hơn cho khả năng trao đổi của hàng hóa.

(3) Trao đổi không phải là nguồn gốc của giá trị: Một cách giải thích trực quan cho rằng giá trị được tạo ra trong quá trình trao đổi. Marx bác bỏ khả năng này bằng lập luận rằng nếu các hàng hóa được trao đổi ngang giá, thì không có giá trị mới nào được tạo ra trong lưu thông. Ông viết: "...nếu những hàng hóa... được trao đổi với nhau như những vật ngang giá, thì rõ ràng là không ai rút được từ lưu thông ra nhiều giá trị hơn là số đã bỏ vào trong đó..." (Marx 1867/1990: 175). Ngay cả khi trao đổi không ngang giá, kết quả chỉ là sự phân phối lại giá trị giữa các chủ thể chứ không làm tăng tổng giá trị xã hội. Vì vậy, trao đổi chỉ là hình thức biểu hiện của giá trị, không phải là nguồn gốc của nó. Lập luận này đồng thời loại trừ khả năng xem trao đổi như cơ chế tự thân tạo ra sự phối hợp xã hội, và chuyển vấn đề sang việc tìm kiếm một nguyên tắc sâu hơn chi phối mối quan hệ giữa các chủ thể.

(4) Tự nhiên không tạo ra giá trị: Marx cũng loại trừ tự nhiên khỏi vai trò nguồn gốc của giá trị. Các yếu tố tự nhiên như đất đai, ánh sáng hay không khí, khi chưa có sự tác động của lao động, không mang giá trị trao đổi. Tự nhiên có thể cung cấp điều kiện vật chất cho sản xuất, nhưng không tạo ra giá trị theo nghĩa kinh tế. Sự phân biệt này cho phép Marx tách rõ điều kiện tự nhiên của sản xuất khỏi nguồn gốc xã hội của giá trị, đồng thời làm rõ rằng giá trị phải được tìm kiếm trong các quan hệ xã hội gắn với hoạt động sản xuất.

(5) Lao động trừu tượng như yếu tố chung của các hàng hóa: Sau khi loại trừ các cách giải thích thay thế, Marx đi đến kết luận rằng các hàng hóa có một điểm chung: chúng đều là sản phẩm của lao động con người. Ông viết: "...nếu gạt bỏ giá trị sử dụng của các hàng hóa thì chỉ còn lại một thuộc tính chung của chúng: tất cả đều là sản phẩm của lao động..." (Marx 1867/1990:54). Tuy nhiên, để trở thành cơ sở của giá trị, lao động phải được trừu tượng hóa khỏi các hình thức cụ thể của nó. Giá trị không do lao động cụ thể tạo ra, mà do hao phí sức lao động nói chung, được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết (Marx 1867/1990:55). Theo nghĩa này, lao động trừu tượng không chỉ là một phạm trù giải thích giá trị trong một bối cảnh lịch sử cụ thể, mà là một nguyên tắc trừu tượng cho phép quy các hoạt động cá nhân khác biệt về một chuẩn mực xã hội chung - một đặc điểm tiếp tục tồn tại, dù dưới các hình thức biến đổi.

(6) Phân biệt địa tô và tài nguyên khỏi sản xuất giá trị: Trên cơ sở đó, Marx giới hạn khái niệm giá trị vào các hàng hóa được sản xuất thông qua lao động. Những nguồn thu không trực tiếp xuất phát từ lao động, đặc biệt là địa tô từ đất đai, được xem là những hình thức phân phối giá trị đã được tạo ra ở nơi khác. Việc phân biệt này tiếp tục làm rõ ranh giới của khái niệm giá trị và củng cố lập luận rằng giá trị gắn với các quan hệ xã hội trong sản xuất, chứ không phải với các điều kiện tự nhiên hay sở hữu tài nguyên.

(7) Vấn đề lý luận: trao đổi ngang giá nhưng vẫn có lợi nhuận: Sau khi xác lập rằng giá trị do lao động tạo ra và trao đổi diễn ra theo nguyên tắc ngang giá, Marx đối diện với một vấn đề trung tâm: nếu mọi trao đổi đều ngang giá, thì lợi nhuận của tư bản đến từ đâu? Marx nhấn mạnh rằng "...sự biến đổi của tiền thành tư bản không thể phát sinh từ lưu thông..." (Marx 1867/1990:181). Vấn đề này không chỉ là một nghịch lý kinh tế, mà còn liên quan đến cách thức một hệ thống xã hội có thể duy trì sự vận hành của nó trong khi vẫn tuân theo những nguyên tắc trao đổi nhất định.

(8) Sức lao động như một hàng hóa đặc biệt: Lời giải của Marx là việc xác định sức lao động như một hàng hóa đặc biệt. Giá trị của sức lao động được xác định bởi chi phí tái sản xuất nó, nhưng giá trị sử dụng của nó có đặc tính riêng: "...giá trị sử dụng của nó là nguồn tạo ra giá trị..." (Marx 1867/1990:188). Khi được sử dụng trong sản xuất, sức lao động có khả năng tạo ra lượng giá trị lớn hơn giá trị của chính nó. Việc xác lập phạm trù này cho phép Marx giải thích nguồn gốc của giá trị thặng dư trong khi vẫn giữ nguyên nguyên tắc trao đổi ngang giá.

(9) Giá trị thặng dư: Phần giá trị mà người lao động tạo ra vượt quá giá trị sức lao động được trả công được Marx gọi là giá trị thặng dư. Khái niệm này giữ vai trò trung tâm trong việc giải thích sự vận động của tư bản: sự gia tăng của tư bản không xuất phát từ trao đổi mà từ quá trình sản xuất. Do đó, giá trị thặng dư không chỉ phản ánh một quan hệ bóc lột trong chủ nghĩa tư bản thế kỷ XIX mà còn biểu thị một cơ chế cấu trúc trong đó sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các chủ thể được tổ chức thông qua việc chiếm đoạt kết quả lao động.

Tiểu kết

Tổng thể lập luận của Marx có thể được hiểu như một chuỗi logic liên tục, trong đó mỗi bước không chỉ giải quyết một vấn đề lý thuyết cụ thể, mà đồng thời xác lập những

điều kiện cho phép các hoạt động sản xuất cá nhân được liên kết với nhau trong một chỉnh thể xã hội. Quan trọng hơn, thông qua tiến trình trừu tượng hóa, các phạm trù như lao động trừu tượng, sức lao động và giá trị thặng dư không chỉ mang ý nghĩa mô tả một hình thái xã hội lịch sử cụ thể, mà đạt tới mức độ khái quát cho phép nắm bắt các nguyên tắc tổ chức của xã hội tư bản nói chung. Chính nhờ đó, các khái niệm này vẫn giữ được giá trị phân tích trong các bối cảnh hiện đại, dù các hình thức biểu hiện của chúng đã có nhiều biến đổi. Ở cấp độ mô tả, chuỗi lập luận này cho thấy Marx không bắt đầu từ các giả định về trật tự xã hội, mà từng bước xây dựng các phạm trù cho phép giải thích cách một xã hội dựa trên những cá nhân độc lập có thể vận hành như một chỉnh thể. Điều này tạo cơ sở để chuyển sang việc xem xét các phạm trù này như những nguyên tắc cấu trúc của liên kết xã hội trong chủ nghĩa tư bản trong các phần tiếp theo.

4. Liên kết xã hội bất đối xứng: Khái niệm giá trị như một cấu trúc xã hội

Phân tích trên cho thấy *Tư bản* không chỉ là một lý thuyết kinh tế, mà là một công trình trong đó Karl Marx bóc tách một nguyên tắc cấu trúc xã hội mang tính khái quát: cách các cá nhân, dù hoạt động độc lập, vẫn được liên kết với nhau thông qua các phạm trù kinh tế như hàng hóa và giá trị. Trong khuôn khổ này, giá trị không chỉ là một đại lượng kinh tế, mà là một cơ chế liên kết xã hội vô nhân xung, cho phép điều phối và chuẩn hóa các hoạt động cá nhân trong một hệ thống chung. Tuy nhiên, khác với các cách hiểu cổ điển về liên kết xã hội, cơ chế này không đòi hỏi sự phụ thuộc mang tính tương hỗ và cùng có lợi. Ngược lại, như phân tích của Marx cho thấy, sự liên kết xã hội vẫn có thể được duy trì ngay cả khi các quan hệ phụ thuộc trở nên bất đối xứng. Một nghịch lý vì thế xuất hiện: các cá nhân - đặc biệt là giai cấp công nhân - vẫn được tích hợp vào hệ thống xã hội thông qua lao động và trao đổi, nhưng đồng thời không được đáp ứng đầy đủ nhu cầu và bị tước đoạt một phần giá trị mà họ tạo ra. Nói cách khác, sự gắn kết xã hội trong trường hợp này có thể được duy trì thông qua chính các điều kiện tạo ra bất bình đẳng và bóc lột.

Đặt trong đối thoại với truyền thống xã hội học cổ điển, đặc biệt là khái niệm “đoàn kết hữu cơ” của Émile Durkheim, có thể thấy rõ sự khác biệt này. Nếu Durkheim giải thích liên kết xã hội từ sự phụ thuộc chức năng mang tính tương hỗ giữa các cá nhân, thì phân tích của Marx cho thấy rằng liên kết xã hội có thể tồn tại mà không cần sự cân bằng đó. Thay vì dẫn đến tích hợp hài hòa, cơ chế liên kết thông qua giá trị đồng thời sản sinh ra các quan hệ quyền lực và mâu thuẫn.

Các công trình kinh điển đã đóng góp rất lớn cho việc đào sâu *Tư bản*, nhưng theo những hướng khác nhau. Althusser và Balibar đọc *Tư bản* như một đột phá khoa học trong đó Marx cắt đứt với chủ nghĩa nhân văn và lịch sử luận, đồng thời nhấn mạnh “độc triêu chứng” và cấu trúc lý thuyết của văn bản. Ở đây, trọng tâm là tính khoa học và tính cấu trúc của diễn ngôn Marx, tức là *Tư bản* được làm rõ trước hết như một thực hành lý thuyết. Rosdolsky, dựa trên *Grundrisse*, làm sáng tỏ cách Marx triển khai phê phán kinh tế chính trị từ cái trừu tượng đến cái cụ thể và vì sao trật tự trình bày các phạm trù trong *Tư bản* lại có tính hệ thống. Đóng góp của ông là tái dựng kiến trúc nội tại của lý luận Marx. Il'enkov thì đi xa ở bình diện triết học phương pháp: ông làm rõ phép biện chứng của Marx như một

phương pháp “đi từ trừu tượng đến cụ thể”, tức nhấn mạnh điều kiện nhận thức luận để khái niệm nắm bắt hiện thực xã hội.

Trong dòng đọc giá trị-hình thức và biện chứng hệ thống, Reichelt nhấn mạnh việc phải khôi phục ý đồ hệ thống của Marx, đặc biệt xem phê phán kinh tế chính trị như một chỉnh thể khái niệm có logic tự triển khai; Sekine xây dựng “pure theory of capitalism”, tức một lý thuyết thuần về logic nội tại của chủ nghĩa tư bản; còn Fineschi làm rõ các cấp độ trừu tượng trong khái niệm tư bản và cách trật tự trình bày của Marx vận hành theo nhiều tầng. Tóm lại, các tác giả này làm rất sâu một việc: giải thích *Tư bản* như một kiến trúc logic-phạm trù của phê phán kinh tế chính trị. Moseley và Polson, ở một hướng khác, làm rõ cách hiểu Marx theo hướng vĩ mô-tiền tệ và trật tự trình bày của lý thuyết giá trị thặng dư, tức họ tập trung vào tính nhất quán của lý thuyết kinh tế Marx hơn là địa vị xã hội học của chính cấu trúc lập luận.

Ở nhánh xã hội học, Aron chủ yếu đặt Marx vào hàng ngũ các nhà sáng lập xã hội học và nhấn mạnh Marx như nhà lý thuyết về xã hội công nghiệp, giai cấp và xung đột. Bourdieu thì không đọc lại cấu trúc lập luận của *Tư bản* theo nghĩa chặt, mà phát triển các phạm trù “vốn” sang các lĩnh vực văn hóa, xã hội và biểu tượng. Durand và các nghiên cứu cùng truyền thống thường đi theo hướng vận dụng hoặc mở rộng các phạm trù Marxist để phân tích các cơ chế thống trị và lao động trong xã hội hiện đại. Nói cách khác, các công trình này chủ yếu khai thác nội dung xã hội học hoặc khả năng mở rộng khái niệm từ Marx, hơn là truy đến câu hỏi: chính trật tự lập luận trong *Tư bản* đã kiến tạo nguyên tắc liên kết xã hội như thế nào.

Từ đó, điểm khác của bài viết này cần được nêu rõ: bài viết không cạnh tranh với các công trình trên ở việc tái kiến thiết logic của *Tư bản*, cũng không chỉ mở rộng các phạm trù Marx sang xã hội học; thay vào đó, bài viết dịch chuyển trọng tâm sang địa vị xã hội học của chính cấu trúc lập luận. Nếu Althusser, Rosdolsky, Il’enkov, Reichelt, Sekine, Fineschi hay Moseley & Polson chủ yếu làm rõ *Tư bản* như một hệ thống lý thuyết, còn Aron, Bourdieu và Durand chủ yếu khai thác nội dung hay sức sống xã hội học của các phạm trù Marxist, thì bài viết này tập trung vào một câu hỏi khác: cấu trúc lập luận của *Tư bản* có đang vận hành như một cơ chế kiến tạo các hình thức xã hội và tổ chức sự liên kết giữa các cá nhân hay không. Theo nghĩa đó, đóng góp của bài viết không nằm ở việc phát hiện thêm một lớp logic nội tại của văn bản, mà ở việc chỉ ra rằng các phạm trù như giá trị, lao động trừu tượng và giá trị thặng dư không chỉ là khái niệm cần được giải thích, mà còn là những hình thức xã hội có hiệu lực tổ chức, trực tiếp trung gian hóa quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội tư bản.

Các kết quả tổng quan từ 25 công trình WoS cũng cho thấy xu hướng tương tự, khi trọng tâm đặt vào phương pháp, cấu trúc lập luận và các thao tác trừu tượng hóa. Ngược lại, bài viết này dịch chuyển trọng tâm phân tích: thay vì xem các phạm trù kinh tế như đối tượng cần được giải thích, chúng được tiếp cận như những hình thức xã hội trực tiếp tổ chức quan hệ giữa các cá nhân.

5. Gợi mở một cách đọc mới đối với *Tư Bản*: Từ cấu trúc lập luận đến cơ chế liên kết xã hội

Các phân tích trong bài viết cho phép gợi mở một cách đọc khác đối với *Tư bản* - một cách đọc không chỉ tái dựng nội dung lý thuyết, mà đặt trọng tâm vào vai trò kiến tạo của cấu trúc lập luận trong việc hình thành đối tượng nghiên cứu của xã hội học. Theo đó, *Tư bản* có thể được tiếp cận không đơn thuần như một lý thuyết kinh tế chính trị hay một phê phán lịch sử, mà như một công trình xây dựng các nguyên tắc liên kết xã hội của chủ nghĩa tư bản thông qua chính logic của nó.

Trong nhiều cách diễn giải truyền thống, *Tư bản* thường được đặt trong hai khuôn khổ. Một mặt, *Tư bản* được đọc như một lý thuyết kinh tế nhằm giải thích giá trị, tích lũy và khủng hoảng. Mặt khác, tác phẩm này được xem như một lý thuyết xã hội về giai cấp và bóc lột. Cả hai cách tiếp cận này, dù khác nhau, đều chia sẻ một giả định chung: các phạm trù kinh tế và các quan hệ xã hội tồn tại như hai bình diện có thể tách biệt, trong đó kinh tế đóng vai trò nền tảng và xã hội xuất hiện như hệ quả. Cách đọc được đề xuất ở đây đặt lại vấn đề này bằng cách xem các phạm trù kinh tế như những hình thái xã hội ngay từ đầu, tức là những cơ chế mà thông qua đó các quan hệ giữa các cá nhân được tổ chức và trung gian hóa. Từ góc nhìn này, đóng góp của *Tư bản* có thể được hiểu như một nỗ lực trả lời một vấn đề trung tâm của xã hội học cổ điển: làm thế nào một xã hội gồm những cá nhân độc lập có thể tồn tại như một chỉnh thể. Nếu Émile Durkheim giải thích sự gắn kết xã hội thông qua các hình thức đoàn kết và chuẩn mực tập thể, thì Marx, theo cách đọc này, chỉ ra một cơ chế khác: sự liên kết xã hội trong chủ nghĩa tư bản được thực hiện không thông qua đồng thuận hay ý thức tập thể, mà thông qua các hình thức kinh tế mang tính vô nhân xung như giá trị, tiền tệ và thị trường. Điều này cho phép hiểu sự ổn định của chủ nghĩa tư bản không dựa trên sự tích hợp chuẩn mực, mà trên các cơ chế phụ thuộc khách quan được trung gian hóa thông qua trao đổi.

Cách tiếp cận này đồng thời mở ra một đối thoại với các lý thuyết xã hội đương đại về cấu trúc và thực hành. Trong khi Pierre Bourdieu phân tích các dạng “vốn” như những nguồn lực tái sản xuất vị thế xã hội, và Anthony Giddens nhấn mạnh tính hai mặt của cấu trúc như vừa là điều kiện vừa là kết quả của hành động, thì cách đọc *Tư bản* ở đây gợi ra một cấp độ sâu hơn: các cấu trúc xã hội không chỉ được tái sản xuất thông qua thực hành, mà còn được kiến tạo thông qua các cơ chế trừu tượng hóa cho phép quy các hoạt động cá nhân về những chuẩn mực chung. Giá trị và lao động trừu tượng, theo nghĩa này, không chỉ là các phạm trù phân tích, mà là những cơ chế xã hội thực sự điều phối hành vi và liên kết các cá nhân trong một hệ thống chung.

Ở cấp độ phương pháp luận, cách đọc này cũng có thể được đặt trong đối thoại với truyền thống cấu trúc luận Marxist. Các công trình của Louis Althusser đã nhấn mạnh tính cấu trúc và tính khoa học của *Tư bản*, đặc biệt trong việc tách nó khỏi các cách đọc nhân văn luận. Tuy nhiên, trong khi cấu trúc luận chủ yếu tập trung vào việc tái kiến thiết hệ thống khái niệm của Marx, cách tiếp cận được đề xuất ở đây nhấn mạnh vai trò của chính cấu trúc lập luận như một thực hành kiến tạo tri thức: không chỉ các phạm trù, mà cả trình tự và logic triển khai của chúng đều tham gia vào việc định hình đối tượng nghiên cứu.

Theo nghĩa đó, *Tư bản* không chỉ là một lý thuyết về xã hội tư bản, mà còn là một “thiết bị” lý thuyết tạo ra cách hiểu về xã hội đó.

Cách đọc này cho phép giải quyết một nghịch lý lý thuyết quan trọng trong xã hội học. Nếu sự tồn tại của cấu trúc xã hội thường được giải thích dựa trên nhu cầu hợp tác hoặc các cơ chế tích hợp, thì chủ nghĩa tư bản dường như đặt ra một trường hợp đặc biệt: một hệ thống có thể vận hành ổn định ngay cả khi một bộ phận lớn các chủ thể không đạt được các nhu cầu của mình. Từ góc nhìn của bài viết này, nghịch lý này có thể được giải thích bằng việc chuyển trọng tâm từ “động cơ hợp tác” sang “cơ chế liên kết”: các cá nhân tiếp tục tham gia vào hệ thống không phải vì họ đồng thuận với nó, mà vì các hình thức kinh tế, như tiền lương, giá cả và cạnh tranh, tạo ra những ràng buộc khách quan buộc họ phải tham gia. Sự liên kết xã hội, do đó, được duy trì không phải thông qua ý chí, mà thông qua cấu trúc. Trên cơ sở đó, cách đọc được đề xuất không nhằm thay thế các diễn giải hiện có, mà mở rộng chúng theo một hướng khác: từ việc xem *Tư bản* như một lý thuyết giải thích chủ nghĩa tư bản sang việc xem nó như một mô hình về cách thức các hình thái xã hội hiện đại được kiến tạo và duy trì. Điều này đồng thời gợi mở một không gian nghiên cứu rộng hơn cho xã hội học đương đại, trong đó trọng tâm được đặt vào việc phân tích các cơ chế trừu tượng hóa và trung gian hóa - những quá trình thông qua đó các cá nhân được liên kết với nhau trong các xã hội phức tạp mà không cần đến sự điều phối trực tiếp.

6. Kết luận

Bài viết tiếp cận *Tư bản* của Karl Marx không chỉ như một lý thuyết kinh tế chính trị, mà như một công trình nghiên cứu về cấu trúc xã hội của chủ nghĩa tư bản được trình bày thông qua ngôn ngữ của kinh tế chính trị. Thay vì đánh giá các luận điểm kinh tế riêng lẻ, nghiên cứu tập trung phân tích cách Marx tổ chức lập luận, sử dụng trừu tượng hóa và giải quyết các vấn đề lý luận nhằm làm rõ các nguyên tắc liên kết xã hội trong hình thái xã hội này.

Việc tái dựng chuỗi lập luận từ hàng hóa đến giá trị thặng dư cho thấy các phạm trù trung tâm của *Tư bản* không chỉ mang ý nghĩa kinh tế, mà còn có thể được hiểu như những hình thái xã hội thông qua đó các quan hệ phụ thuộc và tái sản xuất xã hội được tổ chức. Cách đọc này cho phép đặt *Tư bản* vào đối thoại với truyền thống xã hội học cổ điển: nếu Émile Durkheim nhấn mạnh vai trò của các chuẩn mực và hình thức đoàn kết trong việc duy trì trật tự xã hội, thì Marx, trong cách tiếp cận được đề xuất, làm rõ một cơ chế khác, trong đó sự liên kết xã hội được trung gian hóa thông qua các hình thức kinh tế mang tính vô nhân xưng như giá trị và thị trường. Đồng thời, cách đọc này cũng mở rộng đối thoại với các diễn giải kinh điển về Marx trong khoa học xã hội. Các công trình của Louis Althusser đã làm nổi bật cấu trúc lý thuyết của *Tư bản*, trong khi Raymond Aron và Pierre Bourdieu phát triển các hướng tiếp cận xã hội học dựa trên các phạm trù Marxist. Trên cơ sở đó, bài viết không nhằm đề xuất một sự thay thế đối với các cách tiếp cận hiện có, mà gợi ý một hướng tiếp cận bổ sung, tập trung vào việc xem xét vai trò của cấu trúc lập luận trong *Tư bản* như một hình thức tổ chức và trung gian hóa các quan hệ xã hội. Theo hướng này, thay vì chỉ phân tích nội dung của các phạm trù, bài viết chú ý đến cách thức mà chính

trình tự và cấu trúc lập luận của Karl Marx có thể được đọc như một cơ chế góp phần kiến tạo các hình thức xã hội.

Cách tiếp cận này được đặt trong đối thoại với các diễn giải đã có. Trong khi Raymond Aron nhấn mạnh việc tái dựng các hệ thống tư tưởng như những cách hiểu về cấu trúc xã hội, và Pierre Bourdieu phân tích các hình thức vốn và trường như những cơ chế cấu trúc hóa thực hành, bài viết tập trung vào một bình diện khác: cách thức mà các phạm trù kinh tế trong *Tư bản* vận hành như những hình thức trung gian, thông qua đó các quan hệ xã hội được tổ chức và tái sản xuất.

Theo nghĩa đó, lập luận của bài viết không nhằm khẳng định một cách đọc hoàn toàn mới, mà làm rõ hơn một khía cạnh của vấn đề - cụ thể là vai trò của cấu trúc lập luận như một cơ chế trung gian trong việc hình thành và duy trì các quan hệ xã hội trong chủ nghĩa tư bản.

Trong bối cảnh khoa học xã hội đương đại, cách tiếp cận này góp phần làm rõ một đặc điểm quan trọng của xã hội tư bản: các quan hệ xã hội không chỉ được duy trì thông qua các thiết chế hay chuẩn mực, mà còn thông qua các cơ chế trừu tượng hóa và trung gian hóa vận hành dưới hình thức kinh tế. Từ đó, bài viết gợi mở khả năng mở rộng phân tích các hình thái xã hội hiện đại bằng cách tập trung vào các cơ chế này như những nguyên tắc tổ chức nền tảng của đời sống xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Althusser, L., & Balibar, É. (1970). *Reading Capital*. Verso.
- Angus, I. (2013). Crisis theory, the law of the tendency of the rate of profit to fall, and Marx's studies in the 1870s. *Monthly Review*, 65(2), 23-34.
- Aron, R. (2018). *Main currents in sociological thought* (Vol. 1). Routledge. (Original work published 1967)
- Banaji, J. (2011). *Theory as history: Essays on modes of production and exploitation*. Brill.
- Bonefeld, W., & Psychopedis, K. (Eds.). (2016). Social reality as appearance: Some notes on Marx's conception of reality. In *Human dignity: Social autonomy and the critique of capitalism* (pp. 28-65). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315253046>
- Bourdieu, P. (1986). The forms of capital. In J. Richardson (Ed.), *Handbook of theory and research for the sociology of education* (pp. 241-258). Greenwood.
- Buzgalin, A., & Kolganov, A. (2021). *The methodology of Capital*. Manchester University Press.
- Durand, M. (2004). *La chaîne invisible: Travailler aujourd'hui: Flux tendu et servitude volontaire*. Seuil.
- Durkheim, É. (2014). *The division of labour in society*. Free Press. (Original work published 1893)
- Fineschi, R. (2013). *Marx's laboratory: Critical interpretations of the Grundrisse*. Brill.
- Fineschi, R. (2013). The four levels of abstraction of Marx's concept of "Capital". In *Marx's laboratory* (pp. 71-98). Brill. https://doi.org/10.1163/9789004252592_005
- Heinrich, M. (2010). Crisis theory, the law of the tendency of the rate of profit to fall, and Marx's studies in the 1870s. *Historical Materialism*, 18(4), 3-34.
- Il'enkov, E. V. (1977). *Dialectical logic: Essays on its history and theory*. Progress Publishers.

- Marx, K. (1990). *Capital: A critique of political economy* (Vol. 1, B. Fowkes, Trans.). Penguin. (Original work published 1867)
- Moseley, F., & Polson, M. C. (Eds.). (1997). *New investigations of Marx's method*. Humanities Press.
- Oittinen, V. (2019). Marx and Kant's dialectics: Commodity fetishism reconsidered. *Voprosy Filosofii*, 2019(7), 89-102.
- Papageorgiou, T., & Michaelides, P. G. (2021). Methodology in Marxist political economy. *Review of Political Economy*, 33(1), 233-255. <https://doi.org/10.1080/09538259.2021.2018193>
- Reichelt, H. (2005). *New readings of Marx: Essays on the value theory*. Brill.
- Robles-Báez, M. L. (2014). Dialectics of labour and value-form in Marx's Capital: A reconstruction. In *Marx's Capital and Hegel's Logic* (pp. 292-317). Brill. https://doi.org/10.1163/9789004270022_014
- Rosdolsky, R. (1968). *The making of Marx's Capital*. Pluto Press.
- Rotta, T. N., & Teixeira, R. A. (2016). The autonomy of abstract labour: New insights from value-form analysis. *Cambridge Journal of Economics*, 40(2), 437-458.
- Sekine, T. T. (1986). *The dialectic of capital: A study of the inner logic of capitalism*. University of Tokyo Press.
- Starosta, G. (2008). The commodity-form and the dialectical method in Marx's Capital. *Science & Society*, 72(3), 295-318.
- Wolff, R. P. (1984). *Understanding Marx: A reconstruction and critique of Capital*. Princeton University Press.